

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 11 tháng 9 năm 2020  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương Giang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Văn Tuấn; ông Nguyễn Văn Môn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Hương - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Bà Chu Ngọc Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số /2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Kim T – sinh năm 1989.

HKTT: Tổ Mai Độ, phường Đa Mai, thành phố B, tỉnh B.

Nơi ở hiện nay: Số 10, tổ Hòa Sơn, phường Đa Mai, thành phố B, tỉnh B.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

\* Bị đơn: Anh Đoàn Thái H – sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ Mai Độ, phường Đa Mai, thành phố B, tỉnh B.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày ngày 15/6/2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Kim T trình bày:***

\* Về quan hệ hôn nhân: Ngày 30/4/2013, chị và anh Đoàn Thái H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đa Mai, thành phố B, tỉnh B. Việc kết hôn của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, có trải qua một thời gian tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới, chị về làm dâu gia đình anh H tại địa chỉ Tổ Mai Độ, phường Đa Mai, thành phố B, tỉnh B.

Chị và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị và gia đình có

khuyên nhủ, động viên nhưng anh H không thay đổi. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ tháng 5 năm 2019, không quan hệ gì về tình cảm và kinh tế nhưng đến tháng 8 năm 2019, chị mới quyết định mang hai con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

\* Về con chung: Chị và anh H có hai con chung là Đoàn Hoàng Minh An – sinh ngày 13/01/2015 và Đoàn Hoàng Minh Hiếu – sinh ngày 17/10/2017. Hai con chung hiện đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung vì anh H thường xuyên phải đi làm xa, chỗ ở không ổn định, không có điều kiện chăm sóc con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị hiện đang kinh doanh cửa hàng ăn uống, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi cả hai con.

\* Về tài sản chung và công nợ chung: Chị xác định không có tài sản chung và công nợ chung với anh H nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và các văn bản tố tụng khác cho anh H nhưng anh H không cung cấp bản tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không đến Tòa án làm việc.

Tại Biên bản làm việc ngày 29/7/2020, ông Đoàn Văn Hiến (bố đẻ anh H) cung cấp: Anh H vẫn cư trú cùng gia đình ông tại địa chỉ tổ Mai Độ, phường Đa Mai, thành phố B, tỉnh B. Chị T và anh H sau khi cưới thì về chung sống cùng gia đình ông, sống hạnh phúc, không xảy ra vấn đề gì, có hai con chung là Đoàn Hoàng Minh An và Đoàn Hoàng Minh Hiếu. Đến tháng 6 năm 2019, vợ chồng anh H phát sinh mâu thuẫn do anh H phải đi làm xa, ít về, ít thời gian quan tâm đến gia đình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Gia đình đã cố gắng động viên hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 8 năm 2019 thì chị T mang hai con về nhà bố mẹ đẻ. Anh H thỉnh thoảng vẫn về nhà nhưng không ở lâu, thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại. Ông đã thông báo cho anh H việc chị T yêu cầu ly hôn nhưng do điều kiện công việc nên anh H chưa đến Tòa án làm việc được. Anh H có quan điểm không muốn ly hôn chị T. Trường hợp buộc phải ly hôn thì anh H vẫn muốn nuôi cháu Đoàn Hoàng Minh Hiếu – sinh ngày 17/10/2017, không yêu cầu giải quyết gì về tài sản chung, công nợ chung. Ông không biết hiện nay anh H làm công việc gì, thu nhập bao nhiêu. Ông cam kết nhận hộ anh H tất cả văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh H.

Tại Biên bản làm việc ngày 29/7/2020, ông Nguyễn Duy Hùng – Tổ trưởng tổ dân phố Mai Độ, phường Đa Mai, thành phố B cung cấp: Chị T và anh H kết hôn năm 2013. Sau khi cưới, vợ chồng sống cùng gia đình anh H. Đến năm 2019, ông nghe nói

vợ chồng chị T phát sinh mâu thuẫn do anh H đi làm ăn xa, ít về nhà; trong thời gian xa nhà, anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Chị T đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ từ tháng 8 năm 2019, hiện vợ chồng đã ly thân. Ông không rõ chị T và anh H làm nghề gì, thu nhập bao nhiêu, chỉ biết họ đều có việc làm và có thu nhập. Bản thân anh H đi làm xa, ít về, nếu về cũng đi ngay nên không có điều kiện chăm sóc con cái.

Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng anh H vắng mặt nên không đạt kết quả.

Tại phiên tòa ngày 3/9/2020, do anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

**Tại phiên tòa hôm nay:** Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Hoàng Thị Kim T được ly hôn anh Đoàn Thái H.

- Về con chung: Giao chị Hoàng Thị Kim T nuôi hai con chung Đoàn Hoàng Minh An – sinh ngày 13/01/2015 và Đoàn Hoàng Minh Hiếu – sinh ngày 17/10/2017. Cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] . Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T, anh H là đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn ngày 30/4/2013 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đa Mai, thành phố B, tỉnh B và đã được cấp

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Gia đình anh H và địa phương đều xác nhận chị T và anh H có phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên đi làm xa, ít về nhà, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, phù hợp với lời khai của chị T. Chị T và anh H đã ly thân từ tháng 5 năm 2019 đến nay, không quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng anh H không có mặt, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn anh H theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Căn cứ lời khai của chị T và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định chị T và anh H có hai con chung là Đoàn Hoàng Minh An – sinh ngày 13/01/2015 và Đoàn Hoàng Minh Hiếu - sinh ngày 17/10/2017. Hiện cả hai con chung đang ở cùng chị T. Anh H thường xuyên phải đi làm xa, ít về nhà, không có điều kiện chăm sóc con. Để đảm bảo ổn định về tâm lý và sinh hoạt của các con chung, cần giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung sau khi ly hôn; phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Kim T được ly hôn anh Đoàn Thái H.

2. Về con chung: Giao chị Hoàng Thị Kim T nuôi hai con chung là Đoàn Hoàng Minh An – sinh ngày 13/01/2015 và Đoàn Hoàng Minh Hiếu – sinh ngày 17/10/2017. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không xem xét, giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con nếu sau này các đương sự có yêu cầu.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0001386 ngày 02/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- TAND tỉnh B;
- UBND P. Đa Mai, TP. B; tỉnh B
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hương Giang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Giang**